

TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP

(Tiếp theo)

PHẦN HAI : TÁC PHẨM

A – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Giúp HS :

- Thấy được giá trị nhiều mặt và ý nghĩa to lớn của bản *Tuyên ngôn Độc lập*.
- Hiểu vẻ đẹp của tư tưởng và tâm hồn tác giả qua bản *Tuyên ngôn Độc lập*.

B – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

I – NỘI DUNG

1. Đặc điểm bài học

Đây là bài học cung cấp cho HS những nhận thức quan trọng về một tác phẩm có vị trí đặc biệt trong lịch sử dân tộc, trong tiến trình vận động của nền văn học, đồng thời là kết tinh về đẹp tư tưởng và tâm hồn của Hồ Chí Minh, một trong những con người ưu tú nhất của dân tộc Việt Nam. Tác phẩm không chỉ là áng hùng văn khai sinh ra một nước Việt Nam mới, mở đầu cho kỉ nguyên độc lập, tự do trong thời hiện đại mà còn mang ý nghĩa mở đầu cho một nền văn học mới – nền văn học cách mạng mang khát vọng đấu tranh cho lí tưởng nhân đạo và tiến bộ.

Văn bản có những đặc điểm sau :

a) *Giá trị lịch sử* : Xét ở góc độ lịch sử, có thể coi *Tuyên ngôn Độc lập* là lời tuyên bố của một dân tộc đã đứng lên đấu tranh xoá bỏ chế độ phong kiến, thực dân, thoát khỏi thân phận thuộc địa để hoà nhập vào cộng đồng nhân loại với tư cách một nước độc lập, dân chủ và tự do.

b) *Giá trị tư tưởng* : Xét trong mối quan hệ với các trào lưu tư tưởng lớn của nhân loại ở thế kỉ XX, có thể coi *Tuyên ngôn Độc lập* là tác phẩm kết tinh lí tưởng đấu tranh giải phóng dân tộc và tinh thần yêu chuộng độc lập, tự do. Cả hai phẩm chất này của tác phẩm cần phải được coi như một đóng góp riêng của tác giả và cũng là của dân tộc ta vào một trong những trào lưu tư tưởng cao đẹp, vừa mang tầm vóc quốc tế, vừa mang ý nghĩa nhân đạo của nhân loại trong thế kỉ XX. Đây là một trong những lí do vì sao Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên hợp

quốc (UNESCO) lại bình chọn Hồ Chí Minh là anh hùng giải phóng dân tộc và tạp chí *Time* xếp Hồ Chí Minh là một trong số 100 nhân vật có tầm ảnh hưởng lớn nhất trong thế kỉ XX.

c) *Giá trị nghệ thuật* : Xét ở bình diện văn chương, *Tuyên ngôn Độc lập* là một bài văn chính luận mẫu mực, lập luận chặt chẽ, lí lẽ đanh thép, bằng chứng xác thực, giàu sức thuyết phục, ngôn ngữ gợi cảm, hùng hồn.

2. Trọng tâm bài học

Tác phẩm là một chỉnh thể nghệ thuật toàn vẹn, có kết cấu chặt chẽ và liên mạch. Vì vậy, cần phân tích toàn bộ văn bản. Tuy nhiên, do thời lượng và đặc điểm riêng trong tiếp nhận của HS THPT, GV cần giúp HS tiếp cận hệ thống lập luận của bản *Tuyên ngôn Độc lập* theo những điểm chính sau đây :

– Phần đầu, nêu nguyên lí phổ quát. Đây cũng là luận điểm nền tảng, coi độc lập, tự do, bình đẳng là những thành tựu lớn của tư tưởng nhân loại, đồng thời là lí tưởng hết sức cao đẹp của nhiều dân tộc.

– Phần tiếp theo, triển khai luận điểm bằng thực tế lịch sử, chứng minh nguyên lí nói trên đã bị chà đạp và bị phản bội như thế nào qua những chiêu bài mang màu sắc mị dân và lừa dối trong hơn 80 năm đô hộ nước ta của thực dân Pháp ; đồng thời phản ánh những nỗ lực của Việt Minh và toàn dân Việt Nam trong việc đấu tranh chống lại ách thống trị của thực dân và phát xít để thoát khỏi thân phận thuộc địa và nô lệ.

– Phần cuối, luận điểm kết luận : Tuyên bố về quyền tự do và độc lập, tên hiệu mới của nước Việt Nam và ý chí giữ vững quyền độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam.

Khi lên lớp, GV cần nhấn mạnh những nét chính trên đây của bản *Tuyên ngôn Độc lập*. Từ sự phân tích cụ thể, GV cần khái quát và nhấn mạnh các giá trị to lớn của bản tuyên ngôn như đã nêu trong phần *Đặc điểm bài học*, giúp HS tự trang bị kiến thức và kĩ năng để vận dụng vào việc tìm hiểu và phân tích, đánh giá một tác phẩm chính luận.

II – PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

– Nêu vấn đề, gợi mở, phát vấn, đàm thoại kết hợp với diễn giảng.

– Hoạt động song phương giữa GV và HS trong quá trình tiếp cận, tìm hiểu và nhận biết những phương diện đặc sắc của văn bản.

2. Tiến trình tổ chức dạy học

a) Phần *Tiểu dẫn*

GV gọi HS tóm tắt những ý cơ bản trong phần *Tiểu dẫn*, sau đó chốt lại các ý chính sau đây :

– *Tuyên ngôn Độc lập* là một văn kiện có giá trị lịch sử to lớn, đồng thời là áng văn chính luận bất hủ.

– *Tuyên ngôn Độc lập* được công bố trong một hoàn cảnh lịch sử đặc biệt, hướng vào những đối tượng cụ thể. Nội dung, cách viết của tác giả nhằm đạt được hiệu quả cao nhất.

b) Hướng dẫn học bài

Hướng dẫn HS cách đọc : đọc rõ ràng, nhấn mạnh các ý quan trọng ; giọng đanh thép, phần nộ, đau xót khi tố cáo tội ác của thực dân Pháp ; giọng tự hào, tha thiết khi nói về nhân dân ta ; giọng trang trọng, hùng hồn khi tuyên bố ở cuối bài.

Gợi ý tìm hiểu văn bản theo các câu hỏi trong phần *Hướng dẫn học bài*.

Câu 1

– Bố cục của bản *Tuyên ngôn Độc lập* :

+ Đoạn 1 (từ đầu đến *không ai chối cãi được*) : Nêu nguyên lí chung của *Tuyên ngôn Độc lập*.

+ Đoạn 2 (từ *Thế mà* đến *phải được độc lập*) : Tố cáo tội ác của thực dân Pháp và khẳng định thực tế lịch sử là nhân dân ta đã kiên trì đấu tranh và nổi dậy giành chính quyền, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

+ Đoạn 3 (còn lại) : Lời tuyên ngôn và những tuyên bố về ý chí bảo vệ nền độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam.

– Tìm hiểu lập luận của bản *Tuyên ngôn Độc lập* :

Thể tuyên ngôn thường có bố cục ba phần : mở đầu nêu nguyên lí chung, phần tiếp theo chứng minh cho nguyên lí và cuối cùng là phần tuyên ngôn. Từ nhận thức chung đó, hướng dẫn HS vận dụng vào *Tuyên ngôn Độc lập* để nhận diện hệ thống lập luận cụ thể của văn bản.

Yêu cầu cần đạt là xác định đúng ba phần của văn bản và nội dung của từng phần ; trên cơ sở đó, phân tích rõ tính lôgic chặt chẽ của hệ thống lập luận.

+ Phần mở đầu, tác giả nêu nguyên lí mang tính phổ quát : Tất cả mọi người và các dân tộc đều có quyền bình đẳng, quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu

cầu hạnh phúc. Đây cũng là luận điểm nền tảng, coi độc lập, tự do, bình đẳng là những thành tựu lớn của tư tưởng nhân loại, đồng thời là lí tưởng theo đuổi hết sức cao đẹp của nhiều dân tộc.

+ Phần thứ hai : Qua thực tế lịch sử hơn 80 năm thực dân Pháp xâm lược và đô hộ nước ta, tác giả chứng minh nguyên lí trên đã bị thực dân Pháp phản bội, chà đạp trắng trợn như thế nào. Mặt khác, bản tuyên ngôn cũng khẳng định và minh chứng đầy thuyết phục rằng chính Việt Minh và nhân dân Việt Nam đã bền bỉ đấu tranh để giành lại quyền tự do, độc lập của mình.

+ Phần kết luận : Tuyên bố về quyền được hưởng tự do, độc lập của dân tộc.

Câu 2

GV nêu vấn đề để HS tìm hiểu và thảo luận những nội dung sau :

– Việc tác giả trích dẫn bản *Tuyên ngôn Độc lập* năm 1776 của nước Mĩ và bản *Tuyên ngôn Nhân quyền và dân quyền* năm 1791 của Cách mạng Pháp trong phần mở đầu bản *Tuyên ngôn Độc lập* nhằm vừa đề cao những giá trị hiển nhiên của tư tưởng nhân đạo và văn minh nhân loại, vừa tạo tiền đề cho lập luận sẽ nêu ở mệnh đề tiếp theo.

– Nêu nguyên lí về quyền bình đẳng, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc của con người và các dân tộc. Từ quyền bình đẳng và tự do của con người, tác giả *suy rộng ra* về quyền bình đẳng, tự do của các dân tộc trên thế giới. Đây là một cách vận dụng khéo léo và đầy sáng tạo nhưng vẫn đảm bảo tính chặt chẽ trong lập luận. Đúng như một nhà nghiên cứu nước ngoài đã thừa nhận : “Cống hiến nổi tiếng của Cụ Hồ Chí Minh là ở chỗ Người đã phát triển quyền lợi của con người thành quyền lợi của dân tộc. Như vậy, tất cả mọi dân tộc đều có quyền tự quyết lấy vận mệnh của mình”.

Như thế, có thể khẳng định đây là một đóng góp riêng của tác giả và cũng là của dân tộc ta vào một trong những trào lưu tư tưởng cao đẹp vừa mang tầm vóc quốc tế, vừa mang ý nghĩa nhân đạo của nhân loại trong thế kỉ XX.

Câu 3

GV nêu vấn đề, định hướng cho HS tìm hiểu lập luận của tác giả bản tuyên ngôn. Giúp HS nắm được vì sao trong phần hai của *Tuyên ngôn Độc lập*, các nội dung tố cáo tội ác của thực dân Pháp, khẳng định công lao của Việt Minh và nhân dân ta trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập lại được tác giả nhấn mạnh. Phần phân tích cụ thể, GV tham khảo một số gợi ý sau đây :

– Thực dân Pháp đã phản bội và chà đạp lên chính nguyên lí mà tổ tiên họ từng xây dựng như một thành tựu của tư tưởng và văn minh. Chúng lại lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái hòng mị dân và che giấu những hành động “trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa”.

– Bản *Tuyên ngôn Độc lập* đã vạch trần bản chất thực dân xảo quyệt, tàn bạo và man rợ đó bằng những lí lẽ xác đáng và sự thật lịch sử không chối cãi được. Đoạn văn đã tố cáo hùng hồn và đanh thép tội ác mọi mặt của thực dân Pháp đối với nhân dân ta bằng giọng văn mạnh mẽ, đầy sức thuyết phục.

Bằng phương pháp liệt kê, tác giả *Tuyên ngôn Độc lập* đã nêu hàng loạt những tội ác của chủ nghĩa thực dân trên các mặt : chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục và ngoại giao. Bản tuyên ngôn cũng vạch rõ những âm mưu thâm độc, những chính sách tàn bạo, những thủ đoạn không thể dung thứ của thực dân Pháp trong hơn 80 năm đô hộ đất nước ta. Đoạn văn gây xúc động hàng triệu con tim, khơi dậy lòng phẫn nộ, bởi, dù rất ngắn gọn nhưng giá trị nổi bật của đoạn văn là ở những lí lẽ xác đáng, các bằng chứng xác thực không thể chối cãi, và đặc biệt là đoạn văn được diễn đạt bằng một ngôn ngữ sắc sảo, gợi cảm, hùng hồn.

– Như đã nói, phần luận tội này còn mang một sức mạnh lớn lao của sự thật, đã bác bỏ một cách đầy hiệu lực những luận điệu đối trá về công lao “khai hoá” và quyền “bảo hộ” Đông Dương được phát đi từ Văn phòng Tổng thống Sác-lơ đơ Gôn (Charles de Gaulle), đăng tải âm ỉ trên các báo ở Pa-ri, tạo một sự nhận thức mơ hồ về tình hình chính trị ở Việt Nam lúc bấy giờ trước dư luận quốc tế. Từ đó, vạch trần trước công luận về cái gọi là công lao “khai hoá” và sứ mệnh “bảo hộ” mà thực dân Pháp cố tình rêu rao. Thực chất của công lao “khai hoá” mà thực dân Pháp tự ca ngợi đó là : “lập ra nhà tù nhiều hơn trường học”, “thi hành chính sách ngu dân”, dùng rượu và thuốc phiện làm suy nhược nòi giống của một dân tộc,...; thực chất của sứ mệnh “bảo hộ” mà thực dân Pháp kể công trước quốc tế là : Khi “phát xít Nhật đến xâm lăng Đông Dương để mở thêm căn cứ đánh Đồng minh, thì bọn thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật” và “trong 5 năm, chúng đã bán nước ta hai lần cho Nhật”. Trong đoạn văn có hàng loạt câu được viết theo hình thức lập kết cấu cú pháp để nhấn mạnh :

+ *Sự thật là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật, chứ không phải thuộc địa của Pháp nữa.*

+ *Sự thật là dân ta đã lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp.*

– Những luận điệu khác của các thế lực cơ hội quốc tế nhằm phủ nhận công cuộc đấu tranh mấy mươi năm giành độc lập của dân tộc ta cũng như ý nghĩa của Cách mạng tháng Tám năm 1945 của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Mặt trận Việt Minh cũng bị phản bác một cách mạnh mẽ bằng những chứng cứ xác thực và đầy sức thuyết phục.

Từ những cứ liệu lịch sử hiển nhiên đó, bản tuyên ngôn nhấn mạnh các thông điệp quan trọng :

+ Tuyên bố thoát li hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xoá bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã kí về nước Việt Nam, xoá bỏ hết mọi đặc quyền của thực dân Pháp trên đất nước Việt Nam.

+ Kêu gọi toàn dân Việt Nam đoàn kết chống lại âm mưu của thực dân Pháp.

+ Căn cứ vào những điều khoản quy định về nguyên tắc dân tộc bình đẳng ở hai Hội nghị Tê-hê-răng và Cựu Kim Sơn, kêu gọi cộng đồng quốc tế công nhận quyền độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam.

Câu 4

– Ý nghĩa của phần tuyên bố độc lập :

+ Tuyên bố về ý chí kiên quyết bảo vệ quyền tự do, độc lập của toàn dân tộc Việt Nam.

+ Trên thực tế, tuyên bố về quyền độc lập của một dân tộc trước thế giới không dễ gì được cộng đồng quốc tế thừa nhận ngay nếu lời tuyên bố đó không hội đủ những cơ sở chắc chắn về pháp lí và thực tiễn, phù hợp với công ước quốc tế. Vì, về khách quan, chỉ khi không bị lệ thuộc vào bất cứ thế lực chính trị nào, đồng thời xác định quyền tự quyết trên mọi phương diện thì một dân tộc mới được cộng đồng quốc tế công nhận về quyền độc lập. Về chủ quan, toàn bộ cộng đồng dân tộc phải thực sự có chung khát vọng độc lập, tự do và ý chí bảo vệ quyền tự do, độc lập ấy. Chỉ khi hội đủ hai điều nói trên, lời tuyên bố độc lập của một dân tộc mới thực sự có sức thuyết phục. Bản *Tuyên ngôn Độc lập* của Hồ Chí Minh đã hội tụ đủ hai điều kiện trên.

– *Tuyên ngôn Độc lập* không chỉ là một văn bản vững chắc về lập luận, lí lẽ, bằng chứng mà còn hết sức gợi cảm, hùng hồn, sáng sủa về ngôn từ. (Xem thêm phần *Gợi ý giải bài tập*).

GV có thể tìm nhiều ví dụ nhưng do thời lượng có hạn, chỉ nên dùng những dẫn chứng tiêu biểu. Chẳng hạn, trong đoạn cuối, tác giả viết : “[...] tuyên bố thoát li hẳn quan hệ thực dân với Pháp” – chỉ thoát li *quan hệ thực dân*, không khước từ quan hệ ngoại giao, hữu nghị ; hoặc viết : “[...] xoá bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã kí về nước Việt Nam” – *kí về* (đơn phương và áp đặt) chứ không phải *kí với* (song phương và có thoả thuận),... Vài ví dụ nhỏ cho thấy một tầm nhìn xa rộng của tác giả bản *Tuyên ngôn Độc lập* về những vận động và biến đổi của lịch sử sau này.

III – KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

1. Kiểm tra, đánh giá

– Đánh giá mức độ hiểu các giá trị lịch sử, tư tưởng, nhất là giá trị văn chương từ tác phẩm của HS qua cách đọc văn bản.

– Hướng dẫn HS đọc đồng thời kiểm tra mức độ cảm nhận của HS về tâm huyết, khát vọng độc lập, tự do, tình cảm đối với đất nước ta, nhân dân ta của Chủ tịch Hồ Chí Minh qua bản tuyên ngôn.

2. Gợi ý giải bài tập

Ngoài giá trị lịch sử lớn lao, bản *Tuyên ngôn Độc lập* còn chứa đựng một tình cảm yêu nước, thương dân nồng nàn của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tình cảm đó được bộc lộ qua các phương diện : lập luận, lí lẽ, bằng chứng và ngôn ngữ.

– Về lập luận : Mọi cố gắng trong lập luận của tác giả bản *Tuyên ngôn Độc lập* chủ yếu dựa trên lập trường quyền lợi tối cao của các dân tộc nói chung và của dân tộc ta nói riêng.

– Về lí lẽ : Sức mạnh của lí lẽ được sử dụng trong bản tuyên ngôn xuất phát từ tình yêu công lí, thái độ tôn trọng sự thật, và trên hết, dựa vào lẽ phải và chính nghĩa của dân tộc ta.

– Về bằng chứng : Những bằng chứng xác thực, hùng hồn, không thể chối cãi cho thấy một sự quan tâm sâu sắc của tác giả đến vận mệnh của dân tộc ta, hạnh phúc của nhân dân ta.

– Về ngôn ngữ : Cách sử dụng từ ngữ chan chứa tình cảm ngay từ câu đầu tiên của bản tuyên ngôn : “Hỡi đồng bào cả nước” (*đồng bào* – những người chung một bọc, anh em ruột thịt), và nhiều đoạn văn khác, luôn có cách xưng hô bộc lộ tình cảm tha thiết, gần gũi : *đất nước ta, nhân dân ta, nước nhà của ta, dân tộc ta, những người yêu nước thương nòi của ta, nòi giống ta, các nhà tư sản ta, công nhân ta,...*

IV – TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Đăng Mạnh, *Đọc văn chính luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ sau Cách mạng tháng Tám*, *Tạp chí Văn học*, số 3 – 1986.
2. Nguyễn Đăng Mạnh, *Tuyên ngôn Độc lập*, trong *Phân tích – bình giảng tác phẩm văn học 12*, NXB Giáo dục, 2001.